

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiêu

- Ông Hà Quang Văn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐ-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị Hương có mặt, anh Quảng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Bùi Văn Q đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2015, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Th. Sau khi cưới chị và anh Q sinh sống tại xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Chị xác định chị và anh Q chỉ sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, hiện nay anh chị đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay

chị xét thấy không còn tình cảm với anh Q, không thể chung sống được với anh Q, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Bùi Văn Q.

Về con chung: Chị và Quỳnh có 01 con chung là cháu Bùi Thị Linh Vsinh ngày 02/01/2017, hiện cháu đang ở với chị, nếu ly hôn chị xin tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Bùi Văn Q mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các Thông báo của Tòa án cho anh Q, tuy nhiên anh Q vẫn không đến Tòa án làm việc. Hiện tại anh Q vẫn đang cư trú tại Thôn L, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Theo thông tin cư trú và biên bản làm việc tại UBND xã Th).

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án, quá trình giải quyết do anh Q vắng mặt trong Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vụ án được đưa án xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa Chị Vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Q và giải quyết về con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước*

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị H. Xử lý hôn giữa Chị Bùi Thị H và Anh Bùi Văn Q.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Bùi Thị Linh Vsinh ngày 02/01/2017. Hiện cháu đang ở với Chị Hcho Chị Htiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh Qkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hương.

3. *Về án phí ly hôn:* Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Hvà anh Qlà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Cuộc sống vợ chồng của Chị Hvà anh Qthường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân nhiều năm nay. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H với anh Q là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là cháu Bùi Thị Linh Vsinh ngày 02/01/2017. Nguyên vọng của Chị H xin tiếp tục nuôi cháu sau khi Tòa án giải quyết ly hôn cho chị, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Vi còn nhỏ, lại là con gái, vì vậy để đảm bảo sự chăm sóc tốt nhất cũng như sự phát triển tâm sinh lý cho cháu nên giao cháu Bùi Thị Linh V cho Chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị H. Xử lý hôn giữa Chị Bùi Thị H và Anh Bùi Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Linh Vsinh ngày 02/01/2017, hiện cháu đang ở với chị H, cho Chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Bùi Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Bùi Thị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003632 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH